|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

# ĐỀ ÁN

# XÂY DỰNG CƠ CHẾ TỰ CHỦ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊSỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

# Phần 1

# SỰ CẦN THIẾT ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

**I. LÝ DO XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Khái niệm về cơ chế tự chủ đã được đưa vào giáo dục phổ thông nước ta từ năm 2006 cả trên phương diện pháp lý lẫn tổ chức thực hiện. Tuy nhiên thực tế có thể thấy việc thực hiện tự chủ trong cơ sở giáo dục trên địa bàn vẫn là bước đi đầu tiên và còn nhiều bất cập. Đặc biệt đối với cơ chế tự chủ tự đảm bảo cho thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời gian tới cần hướng tới chất lượng, cùng những việc cần làm để quyền tự chủ trong giáo dục phổ thông thực sự là một cơ chế quản lý để nâng cao kết quả đầu ra của giáo dục. Thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, thực hiện tự chủ trường học có những thuận lợi và cơ hội, nhưng cũng có những khó khăn và thách thức, cụ thể như sau:

# 1. Về thuận lợi và cơ hội

* Đã có một số quy định pháp lý về tự chủ trường học.
* Đã có kinh nghiệm và bài học trong phát huy tự chủ về tài chính.
* Về chủ trương thực hiện theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về *Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo* yêu cầu tách quản lý nhà nước với quản trị cơ sở giáo dục
* Việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đòi hỏi một điều kiện bảo đảm là nhà trường phải được tự chủ về chuyên môn, tài chính và nhân sự.

# 2. Về khó khăn và thách thức

* Thiếu đồng thuận trong nhận thức về tự chủ trường học.
* Còn nhiều bất cập trong tự chủ về nhân sự, vai trò của hội đồng trường và trách nhiệm giải trình.
* Còn nhiều bất cập trong các quy định pháp lý về tự chủ trường phổ thông.

Các quy định trong thời gian qua thực hiện tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lậpcũng như Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thì điều kiện để thực hiện tự chủ trong giáo dục phổ thông là khả năng tự bảo đảm chi phí, điều này khó thực hiện với nhà trường phổ thông trong khi tự chủ thành mục đích mà nhà trường công lập cần đạt được bằng cách tự bảo đảm các khoản chi, từ chi thường xuyên, đến chi quản lý và chi đầu tư.

Mục tiêu hướng tới là giảm chi ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực dịch vụ công. Điều này là cần thiết nhưng không thể áp dụng đồng loạt cho mọi lĩnh vực, cũng như trong cùng một lĩnh vực như giáo dục. Nếu trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, việc huy động các nguồn thu ngoài ngân sách như học phí, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là hợp lý và cần thiết thì giáo dục phổ thông không như vậy. Theo đó giáo dục phổ thông, đặc biệt giáo dục phổ cập từ mẫu giáo 5 tuổi đến hết trung học cơ sở, là *dịch vụ công thiết yếu*, nơi nhà nước cần đầu tư ngân sách để bảo đảm các khoản chi của nhà trường.

Việc thu học phí có thể đặt ra ở trung học phổ thông hoặc ở một số cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu được cung cấp điều kiện học tập chất lượng cao trong giáo dục, nhưng không thể đặt yêu cầu về tự bảo đảm các khoản chi như một điều kiện tiên quyết cho tự chủ mà cần có sự đầu tư của ngân sách nhà nước theo từng giai đoạn.

Từ những nhận định nêu trên, việc cần thiết Đề án xây dựng cơ chế tự chủ hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo thực hiện tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 là cần thiết.

1. **CƠ SỞ PHÁP LÝ**

# 1. Căn cứ chính trị

Nghị quyết số 29-NQ/T ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết số 76/NQ-QH ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; trong đó đề ra một trong những mục tiêu cải cách bộ máy hành chính nhà nước là tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động;

Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Chương trình hành động số 33-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh;

# 2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục năm 2019;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính Phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025;

Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược tài chính đến năm 2030; trong đó đã chỉ đạo: *Hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đối với một số lĩnh vực cơ bản. Giai đoạn 2021 - 2025, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020. Giai đoạn 2026 - 2030, giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 – 2025;*

Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công văn số 1299/UBND-VX ngày 28 tháng 04 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sắp xếp lại các cơ sở giáo dục – đào tạo, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

# Phần II

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỰ CHỦ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG**

Trong năm qua, Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố) tiếp tục phát triển về cả qui mô (số lượng) và chất lượng, góp phần nâng cao trình độ dân trí, dân sinh, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống trường lớp phát triển mạnh từ nội thành đến ngoại thành, vùng sâu vùng xa của Thành phố, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân mỗi lúc một cao hơn, công tác phổ cập giáo dục được duy trì ổn định và phát triển, đội ngũ nhà giáo lớn mạnh, đảm bảo về số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học ngày một cao hơn. Mức độ chuẩn hóa nhà trường và trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn mới từng bước được xây dựng, củng cố và sử dụng hiệu quả. Các chương trình giáo dục phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương như tin học, ngoại ngữ đã được chủ động xây dựng và phát triển tốt; chất lượng đào tạo của nhà trường đã có sự tiến bộ rõ rệt, số lượng học sinh năng động, bản lĩnh, sớm hòa nhập được với cuộc sống văn minh tiến bộ ngày càng nhiều.

Từ nguồn đầu tư cho giáo dục và đào tạo chiếm từ 25% - 28% tổng chi ngân sách Thành phố đã góp phần bảo đảm định mức đầu tư/học sinh các cấp học, ngành học; đảm bảo cơ cấu 80% chi con người và 20% chi hoạt động, đáp ứng các thay đổi về chế độ chính sách của Nhà nước để phù hợp, hài hòa với tình hình kinh tế - xã hội chung.

Nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục và đào tạo. Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn Thành phố đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên; khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14, Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI và Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn qua đã xây dựng nhiều Kế hoạch, chương trình nhằm cụ thể hóa thực hiện đi vào thực tế, lĩnh vực giáo dục và đào tạo luôn được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh luôn được thực hiện nghiêm túc thể hiện qua các chỉ số PCI, ICT Index, PAPI… Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều tiến bộ, hệ thống chính trị các cấp được củng cố và tăng cường, trở thành nền tảng vững chắc cho ngành phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Với sự chủ động, xác định những nhiệm vụ trọng tâm, đưa ra nhiều chủ trương lãnh đạo đúng đắn, kịp thời, sát thực tế; sự chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Thành ủy), Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Hội đồng nhân dân), Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố) đã thực sự vào cuộc của các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI và Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013.

# Quy mô, mạng lưới

|  | **Ngành học, bậc học** | **Năm học 2022-2023** |
| --- | --- | --- |
| **Trường** | **Phòng học** | **Giáo viên** | **Lớp** | **Học sinh** |
|  | **Tổng cộng** | **2.310** | **49.025** | **77.171** | **48.877** | **1.668.638** |
| 1 | Mầm non | 1.305 | 15.613 | 25.217 | 14.288 | 309.112 |
| 2 | Tiểu học | 516 | 16.299 | 22.523 | 17.261 | 666.001 |
| 3 | Trung học cơ sở | 286 | 10.440 | 17.536 | 11.216 | 454.024 |
| 4 | Trung học phổ thông | 203 | 6.673 | 11.895 | 6.112 | 239.501 |
|  | **Công lập** | **1.350** | **34.069** | **56.255** | **35.774** | **1.407.093** |
| 1 | Mầm non | 468 | 5.687 | 10.523 | 5.235 | 151.233 |
| 2 | Tiểu học | 490 | 14.723 | 20.119 | 15.800 | 634.488 |
| 3 | Trung học cơ sở | 279 | 9.216 | 16.618 | 10.242 | 431.267 |
| 4 | Trung học phổ thông | 113 | 4.443 | 8.995 | 4.497 | 190.105 |
|  | **Ngoài công lập** | **960** | **14.956** | **20.916** | **13.103** | **261.545** |
| 1 | Mầm non | 837 | 9.926 | 14.694 | 9.053 | 157.879 |
| 2 | Tiểu học | 26 | 1.576 | 2.404 | 1.461 | 31.513 |
| 3 | Trung học cơ sở | 7 | 1.224 | 918 | 974 | 22.757 |
| 4 | Trung học phổ thông | 90 | 2.230 | 2.900 | 1.615 | 49.396 |

1. **Điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo**

## Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nhìn chung trong những năm qua, qui mô Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố phát triển về cả số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao trình độ dân trí, dân sinh, tạo nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội. Với mục tiêu đảm bảo đủ chỗ học, không còn trường học có cơ sở vật chất yếu kém. Mạng lưới trường lớp ở các cấp học, bậc học đã được phủ khắp các phường, xã của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô phát triển ngày một tăng. Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo việc sát nhập các trường có điểm lẻ, rà soát tình hình cơ sở vật chất, xây dựng trường học nhằm phục vụ cho năm học mới. Thực hiện công tác rà soát các trường có nhiều điểm học lẻ có kế hoạch xây mới, xây thay thế tăng số phòng học, dần dần xóa các điểm học lẻ. Điều chỉnh và sắp xếp hợp lý khoa học mạng lưới trường học toàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, sát với thực tiễn, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đến nay, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ở các ngành học, bậc học, 100% các đơn vị trường học cơ bản đảm bảo đầy đủ trang thiết bị để phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập.

* Số lượng, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo các mức độ quy định của cấp học (số liệu báo cáo của năm học 2010 - 2011 và năm 2021 - 2022).

| **TT** | **Mầm non** | **Đơn vị tính** | **Năm học 2010-2011** | **Năm học 2021-2022** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số trường** | **trường** | **707** | **1.351** |
| 1 | Nhà trẻ | trường | 0 | 0 |
| 2 | Trường mẫu giáo |  | trường | 46 | 61 |
| 3 | Trường mầm non |  | trường | 661 | 1.290 |
| *-* | *Công lập (bao gồm: Nhà trẻ, trường MG, Trường MN)* | *trường* | *406* | *468* |
| *-* | *Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia* |  | *%* | *9%* | *13%* |
| - | Số điểm trường | điểm | 486 | 395 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiểu học** | **ĐVT** | **Năm học 2010-2011** | **Năm học 2021-2022** |
|  | **Tổng số trường** | **Trường** | **468** | **514** |
| 1 | Số điểm trường | điểm | 409 | 461 |
| 2 | Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 | % | 4% | 11% |
| 3 | Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 | % | 1% | 3% |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phổ thông** | **ĐVT** | **Năm học2010-2011** | **Năm học2021-2022** |
| **THCS** | **THPT** | **THCS** | **THPT** |
|  | **Tổng số trường** | **trường** | **255** | **183** | **286** | **204** |
| 1 | Số điểm trường | điểm |  |  |  |  |
| 2 | Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia | % | 5,7% | 1,2% | 16,1% | 3,9% |
| 3 | Tỉ lệ trường học đạt kiểm định quốc gia | % | 0,0% | 0,0% | 22,0% | 25,6% |

+ Thành phố Hồ Chí Minh có 01 thành phố và 21 quận, huyện trực thuộc, trong đó đối với các khu vực đang trong giai đoạn đô thị hóa nhanh và tập trung các khu chế xuất, khu công nghiệp như: Quận 7, Quận 12, Quận Gò Vấp, Quận Tân Phú, Quận Bình Tân, thành phố Thủ Đức và các huyện ngoại thành (huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi) do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội kéo theo tình trạng dân số tăng cơ học cao vì vậy áp lực về chỗ học mỗi năm của Thành phố Hồ Chí Minh rất lớn nhưng quỹ đất cho giáo dục không tăng theo đà tăng dân số, quy trình đầu tư công kéo dài, khả năng cân đối ngân sách hạn chế do đó việc đáp ứng về phòng học, đảm bảo sĩ số/lớp đúng theo Điều lệ trường và tỷ lệ học 02 buổi/ngày trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhìn chung còn nhiều khó khăn.

+ Đối với các khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt: trong điều kiện cơ sở vật chất hiện có, mỗi đơn vị cơ sở giáo dục luôn ý thức tự sắp xếp, bố trí hiện trạng nhằm đảm bảo yêu cầu tối thiểu và nâng cao chất lượng phục vụ cho học sinh; trường hợp còn khó khăn xây dựng kế hoạch, phương án liên kết, mượn cơ sở vật chất với các đơn vị có chức năng để tổ chức giảng dạy, phục vụ nhu cầu cho học sinh cũng như đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định.

* Tỷ lệ thiết bị dạy học được trang bị theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và tỷ lệ thiết bị dạy học bổ sung ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của từng cấp học (số liệu báo cáo của năm học 2010 - 2011 và năm 2021 - 2022) *(Xem biểu 7)*

## Về đội ngũ nhà giáo (cán bộ quản lý, giáo viên)

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Sở Giáo dục và Đào tạo) thực hiện tốt công tác tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các kế hoạch, văn bản về công tác rà soát, tuyển dụng, tinh giản biên chế, về việc triển khai các Thông tư của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Kế hoạch chuyển công tác và tuyển dụng viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

 Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên; tỷ lệ giáo viên theo từng cấp học; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ giáo viên/lớp từng cấp học (số liệu báo cáo của năm học 2010 - 2011 và năm 2021 - 2022).

| **TT** | **Mầm non** | **Đơn vị tính** | **Năm học 2010-2011** | **Năm học 2021-2022** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên** | **người** | **20.574** | **36.115** |
| **1.** | **Cán bộ quản lý** |  | **người** | **1.648** | **2.772** |
| 1.1 | *Công lập* | người | 801 | 1.232 |
| 1.2 | *Ngoài công lập* | người | 847 | 1.540 |
| 1.3 | Tỷ lệ CBQL là dân tộc thiểu số | % | *1,1%* | *1,4%* |
| **2.** | **Giáo viên** | **người** | **14.051** | **25.909** |
| 2.1. | Giáo viên nhà trẻ |  | người | 4.362 | 5.522 |
| - | *Công lập* | người | 1.839 | 2.368 |
| - | *Ngoài công lập* | người | 2.523 | 3.154 |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên nhà trẻ là dân tộc thiểu số* | *%* | *2%* | *2%* |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên nhà trẻ đạt chuẩn trở lên* |  | *%* | *90%* | *100%* |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên nhà trẻ trên chuẩn* | *%* | *52%* | *60%* |
| 2.2. | Giáo viên mẫu giáo | người | 9.689 | 20.387 |
| - | *Công lập* | người | 6.382 | 8.188 |
| - | *Ngoài công lập* | người | 3.307 | 12.199 |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo là dân tộc thiểu số* | *%* | *2%* | *2%* |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo đạt chuẩn trở lên* |  | *%* | *92%* | *100%* |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo trên chuẩn* | *%* | *53%* | *64%* |
| **3** | **Tỷ lệ giáo viên/lớp** |  | **1,7** | **1,8** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiểu học** | **ĐVT** | **Năm học 2010-2011** | **Năm học 2021-2022** |
|  | **Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên** | **người** | **19.267** | **32.344** |
| **1** | **Cán bộ quản lý** | **người** | **1.125** | **1.389** |
| - | *Công lập* | *người* | 1.150 | 1.274 |
| - | *Ngoài công lập* | *người* | 62 | 115 |
| **2** | **Giáo viên** | **người** | **14.839** | **22.202** |
| - | *Công lập* | *người* | 12.848 | 19.990 |
| - | *Ngoài công lập* | *người* | 1.991 | 2.212 |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn* | *%* | 81% | 99,1% |
| *-* | *Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn* | *%* | 0,4% | 0,9% |
| **3** | **Tỷ lệ giáo viên/lớp** |  | **1,68** | **1,44** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **THCS - THPT** | **ĐVT** | **Năm học2010-2011** | **Năm học2021-2022** |
| **THCS** | **THPT** | **THCS** | **THPT** |
|  | **Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên** | **người** | **16.282** | **13.038** | **19.383** | **13.944** |
| **1.** | **Cán bộ quản lý** | **người** | **670** | **383** | **747** | **527** |
| **-** | *Công lập* | *người* | 637 | 251 | 722 | 336 |
| **-** | *Ngoài công lập* | *người* | 33 | 132 | 25 | 191 |
| **2.** | **Giáo viên** | **người** | **14.302** | **8.835** | **17.293** | **12.005** |
| **-** | *Công lập* | *người* | 12.974 | 6.167 | 16.390 | 8.896 |
| **-** | *Ngoài công lập* | *người* | 1.328 | 2.668 | 903 | 3.109 |
| **-** | *Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn* | *%* | 99,1% | 92,6% | 100,0% | 100,0% |
| **-** | *Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn* | *%* | 71,2% | 17,2% | 81,7% | 19,0% |
| **3.** | **Tỷ lệ giáo viên/lớp** |  | **1,9** | **1,9** | **1,6** | **2,0** |

#  KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập và phân loại mức độ tự chủ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số các đơn vị thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Tổng số: 1.418 đơn vị

+ Số đơn vị được phân loại là Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 1.339 đơn vị.

Trong đó: Trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 119 đơn vị;

Trực thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện: 1.220 đơn vị.

+ Số đơn vị được phân loại là Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 04 đơn vị (đều trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo).

+ Số đơn vị được phân loại là Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 75 đơn vị

Trong đó: Trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: 5 đơn vị;

Trực thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện: 70 đơn vị.

## Đánh giá chung về tình hình thực hiện

a) Mặt được

Các đơn vị khi được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính đã chủ động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao hiệu quả hơn để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời, chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện tăng nguồn thu.

Các đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi, do vậy nhiều đơn vị đã tiết kiệm chi thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, nhiều đơn vị đã đổi mới phương thức hoạt động, tiết kiệm chi, thu nhập đã từng bước được nâng lên. Nguồn thu sự nghiệp, cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, đã góp phần bảo đảm bù đắp nhu cầu tiền lương tăng thêm cho cán bộ, nhân viên.

Đơn vị sự nghiệp từng bước đã được tự chủ tích lũy để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, tạo điều kiện mở rộng các hoạt động sự nghiệp và các hoạt động dịch vụ trong đơn vị.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, nhiều đơn vị đã đổi mới phương thức hoạt động, tiết kiệm chi, thu nhập đã từng bước được nâng lên. Nguồn thu sự nghiệp, cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, đã góp phần bảo đảm bù đắp nhu cầu tiền lương tăng thêm cho cán bộ, nhân viên.

Đơn vị sự nghiệp từng bước đã được tự chủ tích lũy để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, tạo điều kiện mở rộng các hoạt động sự nghiệp và các hoạt động dịch vụ trong đơn vị.

b) Mặt hạn chế

Các đơn vị chưa được giao quyền tự chủ một cách đầy đủ; chưa thực sự khuyến khích các đơn vị có điều kiện vươn lên tự chủ ở mức cao hơn, về các khoản thu và mức thu vì nguồn thu chủ yếu là học phí, mức thu học phí vẫn theo khung học phí của Nhà nước nhưng còn thấp, chưa có khả năng bù đắp chi phí cho các hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách cấp hỗ trợ lại không đủ bù đắp chi phí.

Hệ thống các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở để các đơn vị sự nghiệp công lập trong giáo dục và đào tạo thực hiện chưa đồng bộ, chậm sửa đổi như: định mức giờ giảng, định mức biên chế theo lĩnh vực, theo ngành, nghề, các định mức kinh tế - kỹ thuật của một số lĩnh vực đã làm hạn chế tính tự chủ tài chính đối với các đơn vị; Chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu còn thiếu tính thực tiễn, còn nhiều bất cập nhưng chưa được kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp nhất là trong bối cảnh Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018.

Theo lộ trình cải cách tiền lương, các đơn vị phải sử dụng 40% nguồn thu để thực hiện cải cách tiền lương nên gặp khó khăn khi thực hiện cơ chế tự chủ. Bởi nguồn kinh phí yêu cầu tiết kiệm lớn, trong khi ngân sách cấp chỉ vừa đủ đảm bảo chi, dẫn đến việc mở rộng các hoạt động dịch vụ hoặc điều chỉnh mức lương cơ sở, chi trả các khoản phụ cấp phát sinh với những đơn vị tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động là rất khó khăn trong việc thực hiện...

Còn có những đơn vị dự toán chưa thực sự nhận thức đầy đủ tinh thần tự chủ trong quản lý tài chính, ngân sách, chưa tự điều chỉnh, sắp xếp nguồn kinh phí cho cân đối, phù hợp khi có nhiệm vụ mới phát sinh, còn lệ thuộc nhiều vào ngân sách trong việc duy tu bảo dưỡng, bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học.

Việc thực hiện tự chủ về biên chế, sử dụng lao động trong các đơn vị sự nghiệp, nhưng các Bộ, ngành Trung ương chưa triển khai triệt để, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tuyển dụng, hợp đồng lao động, nâng lương… áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ này, hầu như việc tuyển dụng lao động, nâng lương…các đơn vị đều phải thông qua Sở chủ quản, như vậy không phù hợp với quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP.

Các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công thời gian qua có những thay đổi nhanh, chưa được hướng dẫn và phân cấp một cách triệt để cũng gây ra những khó khăn đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trong việc sử dụng tài sản vào các hoạt động dịch vụ, liên doanh liên kết. Tài sản tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập sử dụng vào hoạt động dịch vụ chính là những tài sản được giao phục vụ nhiệm vụ chính trị, thường được đưa vào hoạt động dịch vụ ngoài giờ hoặc sử dụng chưa hết công năng, vì vậy việc xác định mức độ tham gia vào dịch vụ để tính khấu hao cũng gặp khó khăn.

Phương thức chi từ nguồn kinh phí tiết kiệm chưa được quy định, hướng dẫn cụ thể nên phần lớn các đơn vị cũng còn nhiều khó khăn trong chi thu nhập tăng thêm do số lượng đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nhiều tạo ra sự không đồng nhất, sự so sánh…Vì vậy, đa số các đơn vị dựa vào mức lương, ngạch bậc, hoặc chia đều khoản thu nhập tăng thêm, do đó không khuyến khích được lao động trẻ, có năng lực trong công việc.

Một số đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện sáp nhập, giải thể, giảm các đầu mối dẫn đến việc dư số lượng cấp phó so với quy định, việc bố trí công tác cho cán bộ, viên chức gặp khó khăn. Các đơn vị còn thiếu nhân lực so với yêu cầu nhiệm vụ do đó việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế còn gặp nhiều khó khăn.

Nguồn thu từ phí, thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp của một số đơn vị sự nghiệp công lập không ổn định. Việc xây dựng định mức, xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản đối với lĩnh vực giáo dục chưa được hướng dẫn cụ thể dẫn đến khó khăn cho các đơn vị khi chuyển đổi mô hình cơ chế tài chính sang tự chủ và thực hiện xã hội hóa.

# Phần 3

# MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG

**I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG CƠ CHẾ TỰ CHỦ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030**

# 1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất, phù hợp với chủ trương, pháp luật và đúng với mục tiêu yêu cầu theo Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về định hướng phát triển hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 là giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoàn thiện và cụ thể hóa các mục tiêu định hướng của cơ chế tự chủ theo định hướng của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI.

Đẩy mạnh toàn diện việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đồng bộ cả về thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; đơn vị tự chủ càng cao về tài chính
thì được tự chủ cao trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự nhằm tạo ra bước đột phá mới trong cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong
lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Bố trí hợp lý các nguồn lực nhà nước dành cho các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, đồng bộ, tạo đột phá trong quản lý, từng bước xóa bỏ sự can thiệp và bao cấp của Nhà nước đối với các hoạt động của đơn vị sự nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Nhà nước từng bước thay đổi phương thức hỗ trợ ngân sách nhà nước thông qua các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách sử dụng dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định của pháp luật, phù hợp với lộ trình tính giá, phí dịch vụ giáo dục, đào tạo. Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Đảm bảo tỷ lệ ngân sách chi giáo dục trong tổng chi ngân sách thành phố (phân cấp cho Thành phố Thủ Đức và các quận huyện-Sở ngành) nhằm tăng tỷ lệ đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên. *(Địa phương đạt mục tiêu tỷ lệ tự chủ thì đưọc giữ lại phần ngân sách để bổ sung cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại)*

Tăng cường hoàn thiện các công cụ quản lý và vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công.

# 2. Mục tiêu cụ thể

**2.1. Giai đoạn 2023-2025**

Hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hoá các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập.

Phấn đấu có 10% đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển sang phân loại tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2022. Tăng đầu tư 10% ngân sách chi thường xuyên bình quân cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên so với giai đoạn 2016 - 2020.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. Nâng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trong đó có ít nhất 1 đến 2 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

# 2.2. Giai đoạn 2026-2030

Tiếp tục thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Phấn đấu đến năm 2030 giảm 10% biên chế sự nghiệp (người làm việc) hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025; Tăng đầu tư 10% ngân sách chi thường xuyên bình quân cho đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên so với giai đoạn 2023 - 2025. Phấn đấu thu nhập cho viên chức, người lao động cao gấp 02 lần so với giai đoạn 2023 - 2025.

# 2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở phù hợp với đặc điểm, tình hình của Thành phố Hồ Chí Minh theo nguyên tắc tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối bên trong, không để tình trạng trùng lắp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ gắn với tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tham mưu, quản lý, điều hành. Nghiên cứu đảm bảo thu nhập cao gấp 2 lần so với giai đoạn 2026 – 2030 cho viên chức và người lao động.

Đổi mới công tác đánh giá viên chức và người lao động, bảo đảm đánh giá đúng, khoa học, công bằng, công khai về kết quả thực thi nhiệm vụ. Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ để làm cơ sở xác định đối tượng cần tinh giản một cách khoa học, chính xác, thuyết phục.

# II. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

**1. Định hướng chung**

Quy định rõ quyền hạn với trách nhiệm của từng cấp, của tập thể và cá nhân, của người đứng đầu đơn vị, phân cấp nhiệm vụ với phân cấp quản lý về tổ chức nhân sự, tài chính và đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất khác. Đơn vị được đầy đủ quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đồng thời bảo đảm quyền sở hữu vai trò của đại diện chủ sở hữu trong các đơn vị.

Đẩy mạnh phân cấp giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện đồng bộ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức, tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị phát triển ổn định, bền vững, bảo đảm các lợi ích của từng cá nhân, tập thể và của nhà nước.

Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện; đồng thời phát huy dân chủ cơ sở để giám sát công việc quản lý của các cấp; phát huy vai trò của các đoàn thể, tổ chức quần chúng trong việc giám sát hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về toàn bộ các mặt hoạt động của đơn vị.

Xây dựng thiết chế trường học phù hợp với định hướng phát triển.

# 2. Định hướng cụ thể từng nội dung phân cấp tự chủ

##  Đối với Giáo dục Mầm non

Trên cơ sở thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức các hoạt động sau:

* Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ để phát triển chương trình;
* Tổ chức chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh;
* Tổ chức tăng cường phát triển thể chất cho trẻ thông qua các môn thể thao phối hợp;
* Tổ chức các hoạt động giáo dục ứng dụng phương pháp STEM, STEAM, Montessori, Reggio Emilia…
* Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

##  Đối với Giáo dục Tiểu học

Trên cơ sở thực hiện Chương trình Giáo dục tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các cơ sở giáo dục tiểu học tổ chức các hoạt động sau:

Tổ chức các hoạt động dạy học 2 buổi/ngày thực hiện CTGDPT2018

Tổ chức các hoạt động ôn tập, rèn luyện Toán và Tiếng Việt

Tổ chức các lớp học ngoại ngữ tăng cường, học ngoại ngữ giao tiếp với GV nước ngoài, học phần mềm, tài liệu bổ trợ, lệ phí thi chứng chỉ ngoại ngữ.

Tổ chức lớp học Tin học, luyện thi chứng chỉ quốc tế

Tổ chức lớp Năng khiếu (các câu lạc bộ nghệ thuật, thể dục thể thao....)

Tổ chức lớp Kĩ năng sống, Khoa học vui, Stem, Robotics

Tổ chức lớp học linh hoạt và các câu lạc bộ khác

Tổ chức lớp Hoạt động trải nghiệm – Ngoại khóa – Ngoài giờ lên lớp và cơ sở vật chất theo chuẩn tiên tiến.

##  Đối với Giáo dục Trung học

Thực hiện tự chủ trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch giáo dục nhà trường được Hội đồng trường thông qua. Việc thực hiện chương trình chủ động đảm bảo thời lượng dạy học và các mục tiêu cần đạt được qui định trong chương trình;

Thực hiện tự chủ trong thực hiện các chương trình nhà trường theo các kế hoạch được Hội đồng trường thông qua và có sự tham gia tự nguyện của người học (ví dụ: Chương trình dạy học 2 buổi/ngày; Chương trình tăng cường tiếng Anh, học tiếng Anh với người nước ngoài; Chương trình tin học theo định hướng chuẩn quốc tế, …) và tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kĩ năng sống, giáo dục STEM, tiết học ngoài nhà trường, …)

## Về định hướng phân cấp các công tác tuyển sinh

Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh hàng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục và phát triển trường.

Xây dựng các biện pháp kiểm tra, đánh giá việc tổ chức tuyển sinh của trường, có biện pháp khắc phục các sai sót trong quá trình tuyển sinh.

Thực hiện chế độ báo cáo tình hình tuyển sinh của đơn vị về Sở Giáo dục và Đào tạo trước và sau khi hoàn thành quy trình tuyển sinh của mỗi kỳ tuyển sinh.

## Về định hướng phân cấp tự chủ tổ chức bộ máy

Về tổ chức bộ máy: tự chủ xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành hoặc xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: tự chủ xây dựng nguồn tại đơn vị đảm bảo không vượt số lượng theo quy định.

Về quản lý biên chế sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: tự xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giảm theo lộ trình và tiếp tục thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế theo hướng với các vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ không có quy định về định mức số lượng người làm việc. Tự chủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập về nhân sự tương ứng với từng mức độ tự chủ của đơn vị theo quy định của Nghị định số 106/2021/NĐ-CP.

# Phần 4

# GIẢI PHÁP VÀ NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. **GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

# 1. Giải pháp đối với Giáo dục Mầm Non

Các cơ sở giáo dục mầm non được quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả để phát triển chương trình.

Chủ động liên kết với các tổ chức, các doanh nghiệp, các đơn vị cung ứng dịch vụ phù hợp với giáo dục mầm non và khả năng của đơn vị, đảm bảo các quy định của pháp luật.

Phối kết hợp với các đơn vị giáo dục tại các nước tiên tiến để bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ cho đội ngũ CBQl, giáo viên.

# 2. Giải pháp đối với Giáo dục Tiểu học

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng xã hội như cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Triển khai dạy học tích hợp các nội dung giáo dục [[1]](#footnote-1)ở tiểu học linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng học sinh, địa phương và nhà trường. Khuyến khích các trường có điều kiện tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp với thực tế của địa phương; xây dựng đề án liên kết giáo dục từ đó có thể triển khai giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp theo quy định[[2]](#footnote-2).

Nghiên cứu, nhân rộng mô hình thư viện điện tử, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, đảm bảo thư viện mang tính kết nối, chia sẻ, lưu trữ tài nguyên học tập và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Thực hiện quy định về quản lý và cung cấp các dịch vụ giáo dục trong nhà trường, thực hiện đổi mới quản lý, quản trị trường học được quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP[[3]](#footnote-3).

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, các quy định của ngành đến được từng giáo viên và người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho đội ngũ chuyên trách về truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện Đề án *“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*[[4]](#footnote-4), thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT[[5]](#footnote-5). Hướng đến đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà trường, mỗi Phòng Giáo dục và Đào tạo, mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg[[6]](#footnote-6); triển khai thực hiện các đề án của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đề án *“Nâng cao năng lực, kĩ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”[[7]](#footnote-7);* Đề án *“Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030”[[8]](#footnote-8).*

Các cơ sở giáo dục tiểu học được quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả để phát triển chương trình và đảm bảo tổ chức 100% học sinh học 2 buổi/ngày.

# 3. Giải pháp đối với Giáo dục Trung học

Các cơ sở giáo dục trung học được chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường được Hội đồng trường thông qua; hiệu trưởng (hoặc phó hiệu trưởng được ủy quyền) phê duyệt kế hoạch giáo dục của các Tổ chuyên môn vào đầu năm học. Việc thực hiện chương trình và các hoạt động giáo dục được nhà trường chủ động xây dựng và triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn nhà trường nhưng phải đảm bảo thời lượng dạy học và các mục tiêu cần đạt được qui định trong chương trình.

Để có thể cung cấp ngày càng tốt hơn các dịch vụ giáo dục, các trường trung học được tự chủ trong thực hiện các chương trình nhà trường theo các kế hoạch được Hội đồng trường thông qua. Việc tổ chức chương trình nhà trường bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật giáo dục, Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học đồng thời đảm bảo sự tham gia tự nguyện của người học.

Chương trình dạy học 2 buổi/ngày, nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học có các nội dung dạy bám sát, nâng cao các môn học và nội dung giáo dục cân đối giữa 2 hoạt động; lập dự toán chi để xây dựng định mức thu theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện thu chi đúng qui định cho các các hoạt động của Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày;

Các chương trình nhà trường (như Chương trình tăng cường tiếng Anh, học tiếng Anh với người nước ngoài; Chương trình tin học theo định hướng chuẩn quốc tế, …) và tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kĩ năng sống, giáo dục STEM, tiết học ngoài nhà trường, … là các hoạt động dạy học, giáo dục, trải nghiệm ngoài nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục chưa có điều kiện triển khai trong chương trình giáo dục phổ thông do Nhà nước qui định. Các Chương trình nhà trường được xây dựng với kế hoạch cụ thể và trình Hội đồng trường phê duyệt vào mỗi đầu năm học. Trong tổ chức thực hiện đảm bảo sự tham gia tự nguyện của người học;

Tăng cường thực hiện tốt qui chế dân chủ cơ sở và có kế hoạch kiểm tra nội bộ nhà trường hằng năm để đảm bảo việc thực hiện tự chủ đúng qui định.

Đề cao tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hiệu trường nhà trường; trách nhiệm giải trình của đơn vị và thực hiện công khai theo qui định.

# 4. Giải pháp đối với phân cấp công tác tuyển sinh

Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho đơn vị: trường thực hiện tuyển sinh dựa trên kế hoạch tuyển sinh đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Trường lập kế hoạch tuyển sinh phù hợp với các quy định hiện hành và gửi về cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện tuyển sinh.

Đảm bảo tuyển sinh phù hợp với nhu cầu và năng lực đào tạo của đơn vị

# 5. Giải pháp đối với phân cấp tự chủ tổ chức bộ máy

Giao quyền tự chủ cho các đơn vị về lập kế hoạch số lượng người làm việc kèm theo xây dựng đề án vị trí việc làm, tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức các đơn vị gắn với tinh giản biên chế;

Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức; giải thể hoặc sắp xếp lại các đơn vị hoạt động không hiệu quả. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không tăng thêm đầu mối và biên chế.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, sát thực tế.

Đẩy mạnh phân cấp tổ chức tuyển dụng viên chức.

# 6. Giải pháp đối với tài chính – cơ sở vật chất

Phân định rõ giá, phí theo từng loại dịch vụ giáo dục đào tạo được Ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ, hỗ trợ và không được ngân sách nhà nước hỗ trợ; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Xây dựng lộ trình giá *dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục* phù hợp với tình hình địa bàn Thành phố Thủ Đức và các quận huyện, trong đó từng bước xóa bỏ bao cấp qua giá, phí cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo theo hướng từng bước tính đủ chi phí tiền lương, chi thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách và khả năng chi trả của người dân.

Thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng các nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục, đào tạo dựa các cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật , tiêu chí chất lượng của từng loại hình dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Đề xuất phương án hỗ trợ ban đầu theo hướng giảm dần phân bổ ngân sách giáo dục đào tạo nhằm khuyến khích các đơn vị từng bước mạnh dạn đẩy mạnh xã hội hoá tăng dần tự chủ kinh phí.

Đề xuất các chính sách hỗ trợ trực tiếp để các đối tượng chính sách, gia đình có công và người nghèo để được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu với chất lượng cao hơn.

Đề xuất lộ trình đầu tư trong đó cần phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn để đảm bảo nguồn lực tài chính đồng thời các Danh mục đầu tư phải phù hợp với Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND (số, ký hiệu cũ là 3079/QĐ-UBND) ngày 22 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời cập nhật bổ sung các quy định mới (nếu có).

# NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

## Triển khai giải pháp đối với Giáo dục Mầm non

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ để phát triển Chương trình:

+ Xây dựng các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm phát triển Chương trình Giáo dục mầm non, trong đó tập trung phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm.

+ Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm phát triển chương trình theo lĩnh vực phù hợp với đặc thù của địa phương, khả năng và kinh nghiệm của trẻ.

+ Xây dựng thư viện học liệu số chia sẻ trong cụm chuyên môn và trên địa bàn Thành phố.

 Tổ chức chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh: thực hiện theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT[[9]](#footnote-9), các trường xác định đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư để tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo đúng quy định; lựa chọn, sử dụng tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, cho phép ban hành để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; triển khai tổ chức thực hiện bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả. Thực hiện khảo sát năng lực cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh.

Tổ chức tăng cường phát triển thể chất cho trẻ thông qua các môn thể thao phối hợp:

+ Lựa chọn đơn vị đủ năng lực, hồ sơ pháp lý theo quy định; phối hợp tổ chức các môn thể thao tăng cường phát triển thể lực cho trẻ phù hợp với điều kiện của nhà trường: bơi, đá bóng, võ thuật, yoga, các môn thể thao phối hợp…

+ Đảm bảo tính an toàn, vừa sức theo lứa tuổi của trẻ và đáp ứng kết quả mong đợi của chương trình.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ứng dụng phương pháp STEM, STEAM, Montessori, Reggio Emilia…

+ Tập huấn cho đội ngũ giáo viên một số phương pháp STEM, STEAM, Montessori, Reggio Emilia…; tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên vận dụng trong xây dựng và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Xây dựng phòng học đáp ứng vận dụng các phương pháp mới; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ kế hoạch giáo dục hàng năm của đơn vị.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường:

+ Hoạt động giáo dục trải nghiệm trong hoặc ngoài nhà trường hướng đến mục đích trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đảm bảo mục tiêu phát triển Chương trình giáo dục mầm non.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ cần linh hoạt phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của đơn vị (điều kiện thời gian, giáo viên, năng lực của trẻ…); hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo (3-6 tuổi), không tổ chức cho trẻ Nhà trẻ. Phối hợp với đơn vị chuyên nghiệp, uy tín để đảm bảo an toàn, hiệu quả, đáp ứng nội dung cho trẻ tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá…

## Triển khai giải pháp đối với Giáo dục Tiểu học

Tổ chức các hoạt động dạy học 2 buổi/ngày thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; trong điều kiện cho phép tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.

Tổ chức các hoạt động rèn luyện Toán và Tiếng Việt: Sau khi thực hiện đầy đủ các hoạt động dạy học theo hướng dẫn của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thời gian còn lại trong ngày, nhà trường có thể xây dựng kế hoạch nhà trường để tổ chức thêm các hoạt động khác như rèn luyện kiến thức Toán và Tiếng Việt, sinh hoạt chủ điểm, sinh hoạt ngoại khóa…

Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương. Kế hoạch nhà trường do Hiệu trưởng xây dựng, trình Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt trước khi tổ chức triển khai.

Tổ chức các lớp học ngoại ngữ tăng cường, học ngoại ngữ giao tiếp với giáo viên người nước ngoài, học phần mềm và tài liệu bổ trợ, lệ phí thi chứng chỉ ngoại ngữ: Bên cạnh việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với ngoại ngữ 1, nhà trường có thể sắp xếp thời khoá biểu linh hoạt để phối hợp với các đơn vị có năng lực để tổ chức thêm các hoạt động dạy tiếng nước ngoài tăng cường, học giao tiếp với người nước ngoài, học tiếng nước ngoài qua phần mềm bổ trợ, học tiếng nước ngoài qua Toán và Khoa học. Các giáo viên người nước ngoài khi tham gia giảng dạy tại trường phải tuân thủ các quy định về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, đồng thời phải tuân thủ các nội quy của nhà trường, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của hiến pháp và pháp luật. Tổng số tiết dạy ngoại ngữ 1 tối đa là 8 tiết/tuần (tính cả các tiết thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018).

Tổ chức lớp học Tin học, luyện thi chứng chỉ quốc tế: Theo lộ trình Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, môn Tin học là môn học bắt buộc đối với lớp 3 từ năm học 2022-2023, lớp 3, 4 từ năm học 2023-2024 và lớp 3, 4, 5 từ năm học 2024-2025 với thời lượng 1 tiết/tuần.

Nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học tin học theo định hướng chuẩn quốc tế, các trường có thể tổ chức thêm 1 tiết dạy học tin học để thực hiện dạy tin học tăng cường, giúp học sinh đủ năng lực thi các chứng chỉ quốc tế. Thời lượng tối đa cho hoạt động này là 3 tiết/tuần (tính cả các tiết thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018).

Tổ chức lớp Năng khiếu (các câu lạc bộ nghệ thuật, thể dục thể thao): Tuỳ theo nhu cầu của học sinh và năng lực của giáo viên, nhà trường có thể tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu (nghệ thuật, thể dục thể thao), sinh hoạt theo hình thức câu lạc bộ, có giáo viên hoặc huấn luyện viên có đầy đủ năng lực và hồ sơ hợp pháp để tổ chức rèn luyện. Thời gian sinh hoạt câu lạc bộ tùy theo năng lực tổ chức và khả năng của học sinh, tối đa 2 tiết/tuần/câu lạc bộ.

Tổ chức lớp Kĩ năng sống, Khoa học vui, STEM, Robotics: Tuỳ theo nhu cầu của học sinh và năng lực của giáo viên, nhà trường có thể tổ chức các câu lạc bộ giáo dục kĩ năng sống, khoa học vui, giáo dục STEM, Robotics sinh hoạt theo hình thức câu lạc bộ, có giáo viên hoặc huấn luyện viên có đầy đủ năng lực và hồ sơ hợp pháp để tổ chức rèn luyện. Thời gian sinh hoạt câu lạc bộ tùy theo năng lực tổ chức và khả năng của học sinh, tối đa 1 tiết/tuần/câu lạc bộ.

Tổ chức lớp học linh hoạt và các câu lạc bộ khác: Tuỳ theo nhu cầu của học sinh và năng lực của giáo viên, nhà trường có thể tổ chức các câu lạc bộ khác ngoài các nội dung đã nêu ở trên, có giáo viên hoặc huấn luyện viên có đầy đủ năng lực và hồ sơ hợp pháp để tổ chức rèn luyện. Thời gian sinh hoạt câu lạc bộ tùy theo năng lực tổ chức và khả năng của học sinh, tối đa 1 tiết/tuần/câu lạc bộ.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp

Tổ chức phổ cập bơi lội cho học sinh lớp 3, 4, 5 học phí, lệ phí thi và cấp giấy chứng nhận hoàn thành phổ cập bơi lội

# 3. Triển khai giải pháp đối với Giáo dục Trung học

Thực hiện tự chủ trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch giáo dục nhà trường được Hội đồng trường thông qua. Việc thực hiện chương trình chủ động đảm bảo thời lượng dạy học và các mục tiêu cần đạt được qui định trong chương trình; kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch dạy học của giáo viên và kế hoạch bài dạy tuân theo qui định của Chương trình và các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện tự chủ trong thực hiện các chương trình nhà trường theo các kế hoạch được Hội đồng trường thông qua và có sự tham gia tự nguyện của người học (ví dụ như: Chương trình dạy học 2 buổi/ngày; Chương trình tăng cường tiếng Anh, học tiếng Anh với người nước ngoài; Chương trình tin học theo định hướng chuẩn quốc tế, …) và tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, kĩ năng sống, giáo dục STEM, tiết học ngoài nhà trường, …):

+ Chương trình dạy học 2 buổi/ngày được thực hiện theo Quyết định và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

+ Chương trình nhà trường được thực hiện theo kế hoạch được Hội đồng trường thông qua và có sự tham gia tự nguyện của người học; việc tổ chức thực hiện các chương trình nhà trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học, giáo dục và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo qui định của Bộ GDĐT.

**4. Triển khai giải pháp về tự chủ trong công tác tuyển sinh**

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trườngtổ chức tuyển sinh đúng theo kế hoạch đã xây dựng.

# 5. Triển khai giải pháp về tự chủ tổ chức bộ máy

## 5.1. Về tổ chức bộ máy

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định;

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định.

## 5.2. Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: số lượng cấp phó của đơn vị được bố trí không quá 03 người.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: số lượng cấp phó của đơn vị được bố trí không quá 02 cấp phó và điều chỉnh số lượng nếu có quy định trong trường hợp đặc biệt.

## 5.3. Về quản lý số lượng người làm việc

Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Đổi mới cơ chế xác định và giao biên chế theo hướng quản lý, giám sát chặt chẽ biên chế của các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên; Tổ chức phân loại viên chức theo vị trí việc làm và sắp xếp, bố trí lại cơ cấu viên chức theo hướng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ chiếm tỉ lệ ít 15 nhất 65%*. Theo đó, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về: *Xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm; lập kế hoạch và phê duyệt số lượng người làm việc; xác định và giao số lượng người làm việc từ nguồn thu đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; thực hiện tự chủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập*”.

a)Về số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Hằng năm đơn vị lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo định mức quy định; trong đó, căn cứ vị trí việc làm để xác định cụ thể số lượng người hưởng lương ngân sách nhà nước, số lượng người hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị gửi Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét phân bổ phù hợp. Đồng thời, đơn vị thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo hướng với các vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ không có quy định về định mức số lượng người làm việc, chuyển qua thực hiện hợp đồng lao động đối với từng vị trí hỗ trợ, phục vụ và hợp đồng lao động ngắn hạn đối với vị trí chuyên môn theo quy định, trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

b) Về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập:

Căn cứ Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về thực hiện tự chủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

\* Tự chủ về vị trí việc làm:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm trên cơ sở văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan ban hành; quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm trên cơ sở văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan ban hành; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

\*Tự chủ về số lượng người làm việc:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo quy định; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

# 6. Triển khai giải pháp về công tác tài chính – cơ sở vật chất

## 6.1. Về đảm bảo ngân sách

Hằng năm được bố trí ngân sách theo lộ trình phù hợp đến khi đơn vị tự bảo đảm 100% chi thường xuyên cho từng bậc học.

Được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2021 thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

## 6.2. Xây dựng ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo

a) Tính cần thiết

Tại Điều 3 Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nêu rõ mục tiêu xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật như sau:

*“Điều 3. Mục tiêu xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật*

1. *Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật.*
2. *Các cơ sở giáo dục công lập xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục; xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo để thực hiện các dịch vụ giáo dục đào tạo do cơ sở giáo dục cung cấp.”*

Hiện nay thành phố vẫn chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho các cấp học để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ- CP của Chính phủ, cũng như làm căn cứ thực hiện lộ trình tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 và lộ trình tính giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo cho mỗi cấp học theo hướng dẫn của Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo đúng quy định hiện hành và là yêu cầu cấp thiết.

*b) Về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*

Sở Giáo dục và Đào tạo được giao chủ trì có trách nhiệm tổ chức xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng dịch vụ sự nghiệp công tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cơ quan có thẩm quyền ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (có thể thành lập Tổ soạn thảo) chủ trì triển khai đảm bảo thực hiện các bước sau:

* Xây dựng đề cương tổng hợp và đề cương chi tiết;
* Tổ chức các cuộc họp, thảo luận xây dựng đề cương, xây dựng kế hoạch thực hiện;
* Khảo sát, đánh giá về định mức kinh tế - kỹ thuật: Tổ chức khảo sát tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục theo từng bậc học.
* Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, quy trình cung cấp dịch vụ cho từng dịch vụ sự nghiệp công thuộc các bậc học được giao và thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị; Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công;
* Lấy ý kiến cho dự thảo Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật: Tổ chức các buổi hội thảo lấy ý kiến của các cơ sở giáo dục để hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật;
* Lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Thành phố Hồ Chí Minh… và Hiệu trưởng các trường Đại học, Học viện Cán bộ Thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (bằng văn bản) và các chuyên gia độc lập về định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu thấy cần thiết).

Căn cứ vào tình hình thực tế, đơn vị được giao chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định về xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, quy định các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng định mức được xây dựng. Thành viên Hội đồng thẩm định dự kiến bao gồm đại diện các cơ quan chuyên môn có liên quan thẩm định nghiên cứu dự thảo Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật và các tài liệu liên quan để chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá, phản biện (bằng văn bản) đối với dự thảo Quyết định và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Các thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận, đánh giá công khai về dự thảo Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật;

Hội đồng thẩm định tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định để đơn vị được giao chủ trì trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong từng lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

**6.3. Về cơ chế thu**

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điểm b Điều 2 của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn các đơn vị được chủ động xây dựng mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục theo khung học phí do Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân thông qua.

- Việc xây dựng mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục phải căn cứ các tiêu chí và định hướng giảng dạy của chuyên môn theo từng cấp học, các cơ sở giáo dục công lập thực hiện Trường thực hiện tự chủ căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của phụ huynh học sinh để xây dựng ***Dự toán thu - chi cho nội dung khoản thu dịch vụ để đảm bảo các yêu cầu hoạt động thực hiện*** làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế năm học.

Khi xây dựng dự toán, các cơ sở giáo dục cần căn cứ nội dung các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cấp học thực hiện theo lộ trình và các chương trình cũ đang thực hiện, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo quy định. Xây dựng các hoạt động đảm bảo các tiêu chí và bám sát các hướng dẫn chuyên môn theo từng bậc học và trang bị danh mục cơ sở vật chất theo tiêu chí cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

+ Tổ chức các hoạt động khác.

* Thời gian thực hiện: học phí và các khoản thu *dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục* được thu theo số tháng thực học nhưng tối đa không quá 9 tháng/năm học (Riêng đối với cấp Mầm non được thu theo số tháng thực học).

**6.4. Nguyên tắc đảm bảo**

* Được đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, không vì mục đích lợi nhuận, phù hợp với khả năng đóng góp của người học, *công khai mức thu ngay lúc tuyển sinh và không thu thêm 1 khoản thu nào khác* (Không bao gồm các khoản thu hộ chi hộ và thu *dịch vụ phục vụ* khác không thuộc các hoạt động đã nêu theo nhu cầu của người học…).
* Được tính toán trên cơ sở các khoản chi thực tế theo giờ giảng dạy và các hoạt động chuyên môn đáp ứng các yêu cầu chất lượng, đầu tư trang thiết bị, tài liệu dạy, học tập. Được kiểm soát các nội dung thực hiện tự chủtheo qui định.

**6.5. Về việc sử dụng và quản lý nguồn thu**

a)Việc sử dụng:

Đảm bảo cơ cấu chi để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại đảm bảo các nội dung chi tối thiểu như sau:

+ Nhóm 1: Chi thù lao giảng dạy, quản lý và tổ chức phục vụ trường tiên tiến.

+ Nhóm 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác.

+ Nhóm 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng.

+ Nhóm 4: Chi khác (chi học bổng, bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương đảm bảo các khoản chi thanh toán cá nhân và thu nhập khác, thực hiện chính sách miễn giảm học phí và các khoản chi phát sinh khác).

Tùy tình hình thực tế của từng trường: điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, năng lực đội ngũ giáo viên…. mà các đơn vị được chủ động xây dựng dự toán kinh phí cho các nhóm chi, dành tỷ lệ nhất định đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của đơn vị để đảm bảo hoạt động giảng dạy, Chi tiết các nội dung chi, mức chi phải được thông qua hội nghị cán bộ công chức của đơn vị, đồng thời được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Phân phối kết quả tài chính trong năm: Sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị sử dụng theo đúng quy định được nêu tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Việc quản lý:

Quản lýthu chi khoản thu thỏa thuận được đảm bảo theo quy định hiện hành. Toàn bộ các khoản thu chi học phí và khoản thu *dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục* để đảm bảo các yêu cầu hoạt động và phải thực hiện 100% thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý đối với các khoản thu của các đơn vị giáo dục và đào tạo; minh bạch hóa các hoạt động thanh toán trong ngành giáo dục; đồng thời đảm bảo an toàn phòng chống dịch, cải cách công tác hành chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

c) Chế độ miễn giảm:

Học sinh thuộc các các đối tượng quy định về miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, được miễn hoặc giảm phần học phí chính quy theo quy định.

## d) Cơ chế công khai và giám sát thu:

## Đối với các khoản thu để đảm bảo các yêu cầu, sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương, các đơn vị công bố công khai điều kiện tuyển sinh và mức thu (theo các nội dung của đề án) để thực hiện.

Các cơ sở giáo dục thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số [61/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-61-2017-tt-btc-cong-khai-ngan-sach-don-vi-du-toan-to-chuc-ngan-sach-nha-nuoc-ho-tro-334648.aspx) ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [61/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-61-2017-tt-btc-cong-khai-ngan-sach-don-vi-du-toan-to-chuc-ngan-sach-nha-nuoc-ho-tro-334648.aspx) ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị phải được thảo luận công khai và được thống nhất bằng biên bản thông qua trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

# Phần 5TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Nhóm công tác chuyên môn**

Giai đoạn 1: Xây dựng (Thực hiện cuốn chiếu theo từng năm học)

* Khối Trung học Phổ thông: 3 năm
* Khối Trung học cơ sở : 4 năm
* Khối Tiểu học : 5 năm
* Khối Mầm non : 3 năm

Giai đoạn 2: Hình thành từ 2 đến 5 năm

Giai đoạn 3: Phát triển

1. **Tổ chức bộ máy**

Giai đoạn từ sau khi Đề án được phê duyệt đến năm 2025: giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

Đến năm 2030: tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

**II. THỜI GIAN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Đối với Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học: bắt đầu thực hiện từ năm học 2023-2024 đối với các khối lớp 1, lộ trình cuốn chiếu theo từng năm tiếp theo đến năm học 2027-2028 thực hiện toàn cấp.

Đối với Giáo dục Trung học: tiến độ triển khai thực hiện tự chủ cho các trường thực hiện mô hình trường chất lượng cao “Tiên tiến và hội nhập quốc tế” từ năm học 2023-2024 đối với các khối lớp đầu cấp và thực hiện cuốn chiếu toàn trường khi lộ trình triển khai CT GDPT 2018 hoàn thành.

Đối với tổ chức bộ máy: từ năm 2023 (hoặc ngay sau khi đề án được phê duyệt) triển khai thực hiện tự chủ cho các trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”; lộ trình tiếp tiếp theo triển khai thực hiện tự chủ cho các trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 trở lên, sau đó tiến tới triển khai thực hiện tự chủ cho các trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

**III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

**1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

b) Chủ trì phối hợp Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế.

c) Chủ trì xây dự cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục đào tạo đối với loại hình trường công lập gồm: giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục thường xuyên; trường chuyên biệt (trường chuyên, trường năng khiếu, trường dành cho người khuyết tật); Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và hướng dẫn thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

đ) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện triển khai thực hiện Đề án.

e) Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án.

**2. Đối với Sở Nội vụ** **Thành phố Hồ Chí Minh**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao định biên số lượng người làm việc đảm bảo định mức số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và định mức số lượng người làm việc không hưởng lương ngân sách.

b) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quyết định liên quan đến các nội dung trong Đề án tự chủ.

c) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến và thẩm định hồ sơ tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

**3. Sở Tài chính** **Thành phố Hồ Chí Minh**

a) Chủ trì và phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các Sở ngành có liên quan xây dựng chính sách, cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách; thúc đẩy cơ chế tự chủ phân cấp ngân sách đầu tư cho giáo dục của từng của địa phương có mức độ tự chủ đảm bảo đúng lộ trình.

b/ Cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan đơn vị có liên quan, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí năm 2023 để triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

**4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo lộ trình phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra của Đề án; trong đó:

Đưa ra phương án tổ chức, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước và không hưởng lương ngân sách nhà nước.

Cân đối, bố trí ngân sách địa phương được phân bổ và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

Giao cho các phòng chuyên môn (Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh Xã hội) và ủy ban nhân dân các phường, xã có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại địa phương.

c) Ngày 01 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo nội dung đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

**5. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**5.1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và
Đào tạo**

Thực hiện theo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Sở Giáo dục và
Đào tạo.

Chủ động sắp xếp, phân loại và đề xuất số lượng người làm việc đảm bảo về định mức quy định và phù hợp với đặc thù của đơn vị theo lộ trình.

Sắp xếp, tổ chức các hoạt động chuyên môn đảm bảo tiến độ theo cấp học phù hợp.

Cân đối, bố trí ngân sách được phân bổ mỗi năm và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Đề án.

Ngày 01 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo nội dung đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

**5.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

Thực hiện theo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện theo thẩm quyền quản lý./.

1. Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT), giáo dục về quyền con người… [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (đối với các cơ sở giáo dục tư thục); Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017-2025. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quyết định 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định 3249/QĐ-UBND ngày 06/9/2021của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Phê duyệt Đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030”. [↑](#footnote-ref-8)
9. Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo [↑](#footnote-ref-9)